

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 5 - 2024
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH PT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Như Hải;

Ông Phùng Văn Thị;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký, Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ đăng ký HKTT: Khu 4, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nơi ở hiện tại: Xóm 2 Tân Bình, xã VT, huyện PL, tỉnh TN.

*** Bị đơn:** Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 4, xã HC, huyện TB, tỉnh PT.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn N được tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/9/2018 tại UBND xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và làm công nhân tại khu Công nghiệp SĐ, quận LB, thành phố HN. Đến tháng 10 năm 2021 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, không chung

quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh N có chửi, đánh, xúc phạm chị dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Gia đình cũng đã hòa giải nhưng không được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, chị T đã đưa con là cháu Lê BA về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở huyện PL, tỉnh TN sinh sống, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị T xác định hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Lê BA, sinh ngày 07/02/2019. Hiện nay cháu BA đang ở cùng chị T tại nhà mẹ đẻ chị T là bà Hoàng Thị Nhung ở xóm 2, Tân Bình, xã VT, huyện PL, tỉnh TN. Nay ly hôn chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con; Chị T đảm bảo chăm sóc đầy đủ về điều kiện ăn ở, sinh hoạt, giáo dục cho cháu BA. Công việc của chị hiện nay là bán quần áo, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng, vì vậy chị đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

** Theo các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh N thừa nhận về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống như chị T trình bày là đúng nhưng theo anh N thì vợ chồng có mâu thuẫn bắt đầu vào khoảng cuối năm 2022 nguyên nhân là do vợ chồng cãi nhau, anh có tát vợ anh 4, 5 cái. Với lý do vợ anh có xúc phạm đến bố mẹ đẻ anh, anh không kìm chế được nên đánh vợ anh. Sau đó hai bên gia đình anh đã hòa giải vợ chồng về với nhau được khoảng 1 năm rưỡi. Tuy nhiên một năm gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh hiểu lầm, ghen tuông vợ. Anh có xin lỗi và gia đình có hòa giải nhưng không thành và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Nay chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, nên xin được đoàn tụ để cùng dạy dỗ con cái trưởng thành.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T đã trình bày. Nếu ly hôn, anh N đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện nay của anh làm công nhân tại công ty thép Việt Đức, địa chỉ: thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Thu nhập 10.800.000đ/tháng. Thời gian làm việc của anh từ 07 giờ sáng đến 16 giờ 30 từ thứ 2 đến thứ 6, có thể làm thêm giờ vào thứ 7, chủ nhật. Anh mới thử việc được 3 tháng nên chưa có bảng lương mà chỉ có Hợp đồng thử việc cung cấp cho Tòa án. Nếu được trực tiếp nuôi con, anh sẽ tìm việc ở gần khu vực xã HC, huyện TB để đảm bảo việc chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Lê Văn N.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Lê BA, sinh ngày 07/02/2019 (hiện đang ở cùng chị T); Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lê Văn N, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lê Văn N đang cư trú tại Khu 4, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện TB có thẩm quyền giải quyết vụ án này.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn N được tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/9/2018 tại UBND xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T trình bày thì vợ chồng mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không chung quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh N có chửi, đánh, xúc phạm chị dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Gia đình cũng đã hòa giải nhưng không được, hiện nay chị T và anh N đã sống ly thân nhưng anh N cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và anh vẫn còn tình cảm với chị T nên xin được đoàn tụ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ vì thực tế vợ chồng có mâu

thuần như hai bên đã trình bày và đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay chị T và anh N không hoà giải được mặc dù đã được gia đình hoà giải nhưng không thành, phía anh N xin được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa vợ chồng chị T và anh N không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng hàn gắn vợ chồng không có, do đó cần xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp theo quy định tại điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là: Lê BA, sinh ngày 07/02/2019, hiện nay cháu đang ở cùng chị T tại Xóm 2, Tân Bình, xã VT, huyện PL, tỉnh TN. Khi ly hôn chị T và anh N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T và anh N là chính đáng, xong nhận thấy cháu Lê BA còn nhỏ, lại đang ở ổn định với chị T cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Hơn nữa chị T được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc đối với con chung được đảm bảo. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con, giao cháu Lê BA cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

* Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Thị T;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Lê Văn N.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu: Lê BA, sinh ngày 07/02/2019 (hiện đang ở với chị T tại: Xóm 2 Tân Bình, xã VT, huyện PL, tỉnh TN). Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001899 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã HC;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện